

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2021

V/v : "Ly hôn, nuôi con chung"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy;

2. Ông Ngô Văn Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 23/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19/10/2020 về việc kiện xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 26/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 25/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quê quán, nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S đã kết hôn, sau đó đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 125 ngày 18/11/2015. Đến năm 2018 vợ chồng chị kết hôn lại trên cơ sở tự do, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống không có tiếng

nói chung, thường hay xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng đã thỏa thuận giải quyết ly hôn. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh S thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn anh S.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Tuấn K, sinh năm 2001 đã trưởng thành tự lập và Trần Tuấn H1, sinh ngày 04/6/2007. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng chị, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 và tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, anh S trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị H trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Do làm ăn kinh tế khó khăn, thua lỗ nên thường xảy ra cãi vã và chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh đồng ý ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Tuấn K, sinh năm 2001 đã trưởng thành tự lập và Trần Tuấn H1, sinh ngày 04/6/2007. Nếu các cháu muốn ở với ai thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh yêu cầu chị H có trách nhiệm cùng anh trả số tiền nợ 500.000.000đồng do anh vay làm ăn.

Tại phiên tòa:

- Chị H xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh S; xin được trực tiếp nuôi cháu Trần Tuấn H1, chị tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung; chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Đối với yêu cầu của anh S về việc yêu cầu chị trả nợ chung, chị xác định vợ chồng không vay nợ chung, chị không biết anh S có vay nợ ai hay không và cũng không thấy anh S nói gì đến khoản nợ, cũng không thấy anh S sử dụng khoản tiền lớn như vậy vào việc gia đình nên chị không có trách nhiệm đối với yêu cầu của anh S.

- Anh S vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự, Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị H được ly hôn anh S; giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Tuấn H1 cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung; các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của anh S, anh không giao nộp tài liệu chứng cứ và không nộp tạm ứng án phí giải quyết nợ chung nên không xem xét; chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

1/ Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt chị; anh Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 15 Điều 70; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

2/ Xét về quan hệ vợ chồng: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn S kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai anh S và tại phiên hòa giải, anh S đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh đồng ý ly hôn chị H, chị H luôn yêu cầu được ly hôn anh S. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh S thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh S là phù hợp.

3/ Về con chung: Chị H và anh S có hai con chung là Trần Tuấn K, sinh năm 2001 đã trưởng thành tự lập và Trần Tuấn H1, sinh ngày 04/6/2007. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Tại phiên hòa giải ngày 10/12/2020, chị H và anh S thỏa thuận giao cháu H1 cho chị H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị H tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Tại lời khai của cháu H1 cũng xin được ở với chị H. Xét giao cháu H1 cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của chị H và anh S, phù hợp ý nguyện của cháu H1 muốn ở cùng chị H, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

4/ Về tài sản chung: Chị H và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5/ *Về công nợ*: Chị H xác định không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cùng anh trả 500.000.000 đồng tiền nợ chung do anh vay để làm ăn. Tòa án đã giao cho anh S Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với khoản vay anh yêu cầu và Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng anh không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu của anh và cũng không giao nộp cho Tòa án Biên lai thu tạm ứng án phí, bản thân anh không có mặt tại phiên tòa, không gửi ý kiến cho Tòa án, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này các đương sự có yêu cầu thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

6/ *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Khoản 15 Điều 70; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Văn S.

3/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Tuấn H1 cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001589 ngày 16 tháng 10 năm 2020.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị H và anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày anh, chị nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung